

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

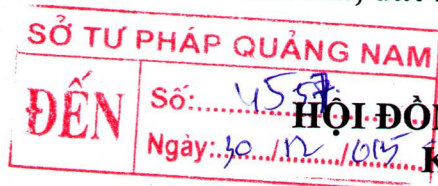
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 184/2015/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 11 tháng 12 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT**

**Về danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng  
đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2016**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 09 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Sau khi xem xét Tờ trình số 5549/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2016 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 90/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2016 trên địa bàn tỉnh, loại trừ các dự án không thuộc thẩm quyền thu hồi đất của HĐND tỉnh (Chi tiết danh mục dự án loại bỏ theo phụ lục A đính kèm). Cụ thể như sau:

1. Danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2016 gồm **587** dự án với tổng diện tích 2.602,94 ha; trong đó đất chuyên trồng lúa nước: 318,64 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 79,8 ha; đất rừng phòng hộ: 112,03 ha; đất rừng đặc dụng: 25,65 ha

Đơn vị tính: ha

TT	Địa phương	Số lượng danh mục	Tổng diện tích	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>587</b>	<b>2.602,94</b>	<b>318,64</b>	<b>79,80</b>	<b>112,03</b>	<b>25,65</b>
1	THÀNH PHỐ TAM KỲ	29	100,22	18,44	10,70	9,11	-
2	THÀNH PHỐ HỘI AN	16	32,66	8,09	-	0,41	0,15
3	HUYỆN NÚI THÀNH	61	363,77	15,33	20,58	-	-
4	HUYỆN PHÚ NINH	27	24,50	18,50	5,20	-	-
5	HUYỆN THẮNG BÌNH	55	268,50	28,80	5,33	-	-
6	HUYỆN QUẾ SƠN	151	426,17	68,61	10,05	24,05	-
7	HUYỆN DUY XUYÊN	74	81,89	28,75	6,64	7,01	-
8	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	80	496,21	113,00	0,54	-	-
9	HUYỆN ĐẠI LỘC	09	17,75	0,95	9,8	-	-
10	HUYỆN NÔNG SƠN	07	44,26	-	3,29	13,55	14,00
11	HUYỆN HIỆP ĐỨC	04	15,79	0,83	0,50	1,00	-
12	HUYỆN ĐÔNG GIANG	05	6,62	0,42	0,45	-	-
13	HUYỆN TÂY GIANG	0	-	-	-	-	-
14	NAM GIANG	05	9,76	-	0,96	-	-
15	HUYỆN PHƯỚC SƠN	04	53,48	1,98	-	15,90	-
16	HUYỆN TIÊN PHƯỚC	26	32,91	7,38	5,02	-	-
17	HUYỆN BẮC TRÀ MY	9	39,02	4,76	-	-	-
18	HUYỆN NAM TRÀ MY	25	589,43	2,80	0,74	41,00	11,50

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

2. Danh mục dự án cần thu hồi đất gồm **2.065** dự án với tổng diện tích thu hồi 4.570,13 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước: 278,14 ha; đất trồng lúa nước còn lại: 43,76 ha; đất rừng phòng hộ: 79,35 ha; đất rừng đặc dụng: 11,00 ha

0Đơn vị tính: ha

TT	Địa phương	Số lượng dự án	Tổng diện tích đề nghị thu hồi	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>2.065</b>	<b>4.570,13</b>	<b>278,14</b>	<b>43,76</b>	<b>79,35</b>	<b>11,00</b>
1	THÀNH PHỐ TAM KỲ	104	189,06	18,44	10,7	9,11	
2	THÀNH PHỐ HỘI AN	67	157,87	8,05		0,33	
3	HUYỆN NÚI THÀNH	180	262,94	11,38	6,23		
4	HUYỆN PHÚ NINH	29	20,43	2,31	0,91		
5	HUYỆN THẮNG BÌNH	244	388,21	27,88	5,1		
6	HUYỆN QUẾ SƠN	443	504,09	41,76	4,96	12,00	
7	HUYỆN DUY XUYÊN	219	372,03	23,28	5,6	7,01	
8	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	181	1.180,65	129,92	0,54		
9	HUYỆN ĐẠI LỘC	27	24,32	4,21	8,32		
10	HUYỆN NÔNG SƠN	12	21,12		2,6		
11	HUYỆN HIỆP ĐỨC	98	48,35	1,22	0,5	1,00	
12	HUYỆN ĐÔNG GIANG	35	166,05	0,42	0,45		
13	HUYỆN TÂY GIANG	26	75,25				
14	HUYỆN NAM GIANG	41	42,71		0,95		
15	HUYỆN PHƯỚC SƠN	43	160,86	1,98		15,9	
16	HUYỆN TIÊN PHƯỚC	127	83,83	4,33	4,48		
17	HUYỆN BẮC TRÀ MY	102	96,19	4,36			
18	HUYỆN NAM TRÀ MY	87	800,5	2,8	0,74	34	11

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

## **Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân dân tỉnh:

1. Triển khai thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với các danh mục dự án tại Điều 1 theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Đối với danh mục dự án chưa rõ thông tin về diện tích, địa điểm (Chi tiết theo phụ lục B, C đính kèm); đề nghị UBND tỉnh rà soát hoàn chỉnh, bổ sung, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thống nhất chủ trương trước khi thực hiện; đồng thời, tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Chỉ đạo các địa phương tăng cường trách nhiệm trong việc đề xuất, rà soát danh mục thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất; đối với danh mục dự án sử dụng vốn doanh nghiệp, cần thẩm định chặt chẽ năng lực nhà đầu tư và ký

cam kết để đảm bảo tính khả thi của dự án; từ năm 2016 trở về sau, trường hợp các địa phương đề xuất danh mục không đảm bảo các thông tin theo quy định tại Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh cần loại khỏi danh mục trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua; đồng thời, có biện pháp xử lý trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân thiếu nghiêm túc trong việc thực hiện chủ trương của cấp có thẩm quyền và tổ chức thực hiện không đạt hoặc đạt thấp kế hoạch, danh mục được phê duyệt.

3. Quán triệt thực hiện nguyên tắc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng đất chuyên trồng lúa nước chủ động nước tưới có năng suất cao, sản xuất hiệu quả, ổn định sang khai thác quỹ đất, bố trí đất sản xuất, kinh doanh dịch vụ khi chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ xem xét chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang khai thác quỹ đất đối với trường hợp sắp xếp lại khu dân cư phù hợp theo quy hoạch nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tại các vùng lõm ở khu vực đô thị, thị trấn, thị tứ.

4. Trường hợp phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án quan trọng, cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng chưa có trong danh mục được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua thì Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thống nhất chủ trương và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua. / *mlu*

**Nơi nhận:**

- UBTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, CTHĐ (Phiên).

**CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Ngọc Quang*

**Nguyễn Ngọc Quang**